

Bản án số: 184/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 30/9/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam
2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 271/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2022/QĐST –HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Kim T, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số A, tuyến B, khu đô thị C, khóm D, phường E, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Võ Xuân T1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số F, khóm G, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

(ông T có mặt, bà T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2022, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trịnh Kim T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện tìm hiểu sau đó tổ chức đám cưới vào ngày 20/11/2020 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố X, tỉnh An Giang vào ngày 10/12/2020. Sau khi kết

hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, về sau không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà T1 không đồng ý cho ông T sử dụng tài khoản tên chung của ông với vợ trước yêu cầu ông phải xóa, do ông T không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra ông T có phần tài sản riêng trước khi kết hôn với bà T1 nhưng để cho con ông T đứng tên nhưng bà T1 cứ quan tâm tới tài sản của ông T, ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng chung sống không hòa hợp được tính tình, không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện, ngoài ra bà T1 còn có lời lẽ hăm dọa ông T. Nhận thấy nhiều mâu thuẫn xảy ra thường xuyên đã làm cho gia đình không có hạnh phúc vì thế ông T không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa. Ông T với bà T1 đã ly thân tháng 10 năm 2021 đến nay. Hiện nay ông T đang điều trị bệnh huyết áp, tim mạch bằng 03 loại thuốc để kiểm soát sức khỏe hằng ngày. Việc đời sống hôn nhân không hạnh phúc ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ, tâm lý làm cho bệnh tình ngày càng khó kiểm soát. Vì thế ông T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành thủ tục ly hôn để ổn định suy nghĩ, tâm lý, từ đó an tâm điều trị bệnh.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Võ Xuân T1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 thống nhất với ông T về điều kiện tiến tới hôn nhân. Bà với ông T đám cưới vào ngày 20/11/2020 và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố X, tỉnh An Giang vào ngày 10/12/2020. Bà T1 xác định trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, bà không quan tâm đến tài sản của ông T như ông T trình bày. Từ tháng 10 năm 2021 bà và ông T đã ly thân theo yêu cầu của ông T. Hiện nay bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Diễn biến tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trịnh Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Võ Xuân T1

Bị đơn bà Võ Xuân T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Kim T và bà Võ Xuân T1 thông qua tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố X vào ngày 10/12/2020. Vào thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Tuy nhiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T cho rằng bà T1 thường hay nói về vợ cũ của ông T nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ngoài ra bà T1 và con riêng của bà còn để ý đến tài sản riêng của ông T nên vợ chồng đã ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải, bà T1 có muốn hàn gắn gia đình với ông T, nhưng ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của cả hai phía, nhưng nay, ông T không còn tình cảm với bà T1 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T được ly hôn với bà T1.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Trịnh Kim T và bà Võ Xuân T1 là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà T1, tuy nhiên bà T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện tìm hiểu sau đó tổ chức đám cưới vào ngày 20/11/2020 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 10/12/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, bất hòa, về sau không còn hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà T1 không đồng ý cho ông T sử dụng tài khoản tên chung của ông với vợ trước và yêu cầu ông phải xóa, do ông không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra bà T1 còn quan tâm tới tài sản của ông T có

trước khi kết hôn với bà T1, ghen tuông vô cớ, có lời lẽ xúc phạm con riêng và hăm dọa ông T, làm cho vợ chồng chung sống không hòa hợp được tính tình, không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không cải thiện. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Hiện nay, bản thân ông T đang bị bệnh phải dùng thuốc hàng ngày, việc đời sống hôn nhân không hạnh phúc ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ, tâm lý làm cho bệnh tình ngày càng khó kiểm soát. Vì vậy, ông T yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Bị đơn là bà Võ Xuân T1 cũng thống nhất với lời trình bày của ông T về điều kiện tiến tới hôn nhân, thời gian chung sống, mâu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân cũng như thời gian ly thân của vợ chồng. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông T, bà T1 không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn. Mặt khác, hiện nay do mẹ bà T1 đang bị bệnh bà không muốn mẹ bà biết tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng nên bà muốn hàn gắn tình cảm với ông T vì bà còn thương chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông T, bà T1 và tạo thêm thời gian để ông T, bà T1 có cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với bà T1 vì hiện nay ông không còn tình cảm với bà T1, vợ chồng mặc dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không được, mâu thuẫn, cãi vã vẫn thường xảy ra.

Xét thấy, qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà T1 đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T cho rằng những mâu thuẫn giữa vợ chồng đã diễn ra trong một thời gian dài nên vợ chồng ông mới thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến việc vợ chồng phải ly thân chỉ sau 06 tháng kết hôn và cho đến nay vẫn không hàn gắn được. Bà T1 không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với ông T, tuy nhiên ông T và bà T1 đều xác nhận từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay giữa vợ chồng vẫn không thể hàn gắn tình cảm, tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng độc lập về mọi mặt trong cuộc sống.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông T và bà T1 trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ đó cho thấy giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ lẫn nhau, thực tế hôn nhân của ông, bà không tồn tại từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà T1 cũng xác định từ khi vợ chồng ly thân thì giữa vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, bà T1 dọn ra khỏi nhà không còn chung sống với ông T. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau độc lập về mọi mặt. Xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự nguyện của vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình”*. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên cũng như tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì tình cảm của ông T dành cho vợ không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà T1 không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà T1.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà T1 không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Ông Trịnh Kim T có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí ngày 28/6/2022 do là người cao tuổi. Yêu cầu này của ông T là phù hợp với điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm đ khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Kim T. Ông Trịnh Kim T được ly hôn với bà Võ Xuân T1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Ông Trịnh Kim T được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do đó, ông T được nhận lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001475 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

+ Về quyền kháng cáo:

- Ông Trịnh Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bà Võ Xuân T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND P.E;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

